

TỜ TRÌNH

Về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng

vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

Theo kết quả thảo luận của Ban Kinh tế - Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 17, Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A và nhóm B sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (kể cả trường hợp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm A và nhóm B theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 34 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án mới, bên cạnh đó qua rà soát đến nay có một số dự án cần phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình thực tế... nên cần phải tổng hợp, trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 15 (giữa năm 2020) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

I. Về nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại kỳ họp thứ 15 (giữa năm 2020):

1. Quyết định chủ trương đầu tư 09 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là **1.489.601 triệu đồng** (trong đó: ngân sách trung ương là 145.346 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 1.259.697 triệu đồng; ngân sách huyện là 84.558 triệu đồng).
Cụ thể:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ: 02 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 145.346 triệu đồng.

(1) Tuyển dân cư trung tâm xã Khánh An, huyện An Phú: diện tích 4,59ha, đầu tư bố trí 282 nền; tổng mức đầu tư 75.481 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(2) Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú: diện tích 3,38ha, đầu tư bố trí 144 nền; tổng mức đầu tư 69.865 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

b) Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện: 07 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh là 1.259.697 triệu đồng và ngân sách huyện là 84.558 triệu đồng.

(1) Tuyển tránh đoạn Km11 đến Km15 và cầu Mương Khai - Đường tỉnh 951: Chiều dài tuyến là 6km (bao gồm cả cầu); tổng mức đầu tư 297.000 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(2) Đường đê kênh Hòa Bình: Chiều dài là 1.220m; tổng mức đầu tư 119.877 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh là 78.391 triệu đồng và ngân

sách thành phố Châu Đốc là 41.486 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(3) Trung tâm Hội nghị thành phố Châu Đốc: Diện tích là 5.500m²; tổng mức đầu tư 179.468 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh là 136.396 triệu đồng và ngân sách thành phố Châu Đốc là 43.072 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(4) Bệnh viện Sản – Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường: quy mô gồm: Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi, điều trị nội trú 180 giường và khoa nhiệm 20 giường; hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị. Tổng mức đầu tư 363.170 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(5) Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt tỉnh An Giang: quy mô 150 giường (tổng diện tích sàn xây dựng 13.320,1 m², bao gồm: khối nhà 9 tầng + sân thượng + mái); tổng mức đầu tư 272.571 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2025.

(6) Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang: tổng diện tích khu đất 2.452,3 m² (gồm: khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị); tổng mức đầu tư 47.564 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(7) Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên: Bổ sung quy mô đầu tư: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 33.997 triệu đồng thành 64.605 triệu đồng (tăng 30.608 triệu đồng) do bổ sung trang thiết bị để đảm bảo yêu cầu khám, điều trị bệnh; điều chỉnh từ dự án nhóm C thành dự án nhóm B; điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2019 - 2022.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, với tổng mức đầu tư là **1.803.091 triệu đồng**, cụ thể:

Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945): Điều chỉnh quy mô đầu tư: phần đường: chiều dài tuyến 40,55km, đường cấp IV; phần cầu: 21 cầu BTCT, 12 cống hộp, 6 cống thủy lợi và 66 cống tròn. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 1.125.000 triệu đồng thành 1.803.091 triệu đồng (tăng 678.091 triệu đồng) do tiếp tục triển khai thực hiện các hạng mục giai đoạn 2; điều chỉnh từ dự án nhóm B thành dự án nhóm A; điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2017 - 2024.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 06 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân

dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là **1.111.451 triệu đồng** từ nguồn vốn ngân sách trung ương là 202.596 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 899.073 triệu đồng và vốn ngân sách huyện là 9.782 triệu đồng, cụ thể:

(1) Cầu Phú Hòa, huyện Thoại Sơn: Bổ sung quy mô đầu tư: xây mới 02 công tròn F1500 thay thế cầu dân sinh ranh thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn và phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên. Tổng mức đầu tư giảm từ 188.561 triệu đồng thành là 187.196 triệu đồng (giảm 1.365 triệu đồng); thời gian thực hiện đến năm 2022.

(2) Nâng cấp Đường tỉnh 949, huyện Tri Tôn và Tịnh Biên: chiều dài tuyến 18,705km (bao gồm cả cầu); tổng mức đầu tư 496.258 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(3) Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020: Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 81.200 triệu đồng thành 85.351 triệu đồng (tăng 4.151 triệu đồng) do bị trượt giá thiết bị; điều chỉnh thời gian thực hiện đến hết năm 2021.

(4) Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới: Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 47.047 triệu đồng thành 53.419 triệu đồng (tăng 6.372 triệu đồng) do yếu tố trượt giá nên tăng tổng mức đầu tư; điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2016 - 2022.

(5) Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1), thị trấn Long Bình: Điều chỉnh giảm chiều dài hàng rào và bổ sung Tuyến ống thoát nước thải, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 224.000 triệu đồng thành 202.696 triệu đồng (giảm 21.304 triệu đồng); điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2021.

(6) Hạ tầng khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng: Điều chỉnh diện tích từ 79.095,4 m² thành 80.518m². Giữ nguyên tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện dự án.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

* Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo các Nghị quyết: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;

6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;
12. Chính sách thực hiện.

** Tờ trình này thay thế Tờ trình số 321/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Tờ trình số 376/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- TT.TU, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nung

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Tờ trình số: 397/Tr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG CỘNG							1.489.601	145.346	1.259.697	84.558	0					
Dự án nhóm B							1.489.601	145.346	1.259.697	84.558	0					
I	Nông nghiệp						145.346	145.346	0	0	0					
1	Tuyển dân cư trung tâm xã Khánh An	An Phú	UBND huyện An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	4,59ha; 282 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	75.481	75.481				2020-2024	04 năm	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn NSTW năm 2020 (theo CV 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019)	Tiếp tục đề nghị TW hỗ trợ vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2021 - 2025	Luật Đầu tư công
2	Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình	An Phú	UBND huyện An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	3,38ha; 144 nền	Xây dựng Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân trong khu vực, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện An Phú.	69.865	69.865				2020-2024	04 năm	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn NSTW năm 2020 (theo CV 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019)	Tiếp tục đề nghị TW hỗ trợ vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2021 - 2025	Luật Đầu tư công
II Giao thông vận tải							416.877	0	375.391	41.486	0					
1	Tuyến tránh đoạn Km11 đến Km15 và cầu Mương Khai - Đường tỉnh 951	Phú Tân	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nâng cấp, mở rộng đường, bao gồm cả cầu	Chiều dài tuyến 6km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	297.000		297.000			2021-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công
2	Đường đê kênh Hòa Bình	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Nâng cấp, mở rộng đường	1220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông	119.877		78.391	41.486		2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố Châu Đốc dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí Xây dựng và thiết bị	Luật Đầu tư công
III Du lịch							179.468	-	136.396	43.072	-					
1	Trung tâm Hội nghị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Xây dựng mới trung tâm và hạ tầng kỹ thuật	5500m2	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		136.396	43.072		2021-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố Châu Đốc dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí Xây dựng và thiết bị	Luật Đầu tư công
IV Y tế							747.910	0	747.910	0	0					
1	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường	Long Xuyên	BV Sản Nhi	Xây dựng mới Khối Nhi	200 giường; Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi và điều trị nội trú 180 giường và khoa nhiễm 20 giường; Hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	363.170		363.170			2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 326.853 triệu đồng (90% TMBT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	BV Mắt-TMH-RHM	Xây dựng mới khối bệnh viện 3 chuyên khoa	150 giường; Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m ² , bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	272.571		272.571			2021-2025	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 245.314 triệu đồng (90% TMBT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công
3	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD và KVPĐT AG	Xây dựng mới khối nhà làm việc	Tổng diện tích khu đất 2.452,3 m ² ; Khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	47.564		47.564			2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 42.808 triệu đồng (90% TMBT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công
4	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	UBND TPLX	Xây dựng mới và đầu tư trang thiết bị	Khối nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; bổ sung: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng	Các phòng khoa khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	64.605		64.605			2019-2022	04 năm	Giai đoạn 2016-2020 đã bố trí 17.154 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 là 40.991 triệu đồng.	Ngân sách tỉnh thực hiện đầu tư giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025	Luật Đầu tư công

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B THÀNH DỰ ÁN NHÓM A

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư												
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						
1	TỔNG CỘNG						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.803.091	1.399.000	404.091	0	0							
	Dự án nhóm A						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.803.091	1.399.000	404.091	0	0							
1	Giao thông vận tải						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.803.091	1.399.000	404.091	0	0							
1	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945)	Châu Phú, Trì Tôn, Tịnh Biên	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 42km, cấp đường là cấp IV. Phần cầu: 31 cầu. BTCT.	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.125.000	900.000	225.000			2017-2022	05 năm	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 40,55km, đường cấp IV. Phần cầu: 21 cầu BTCT, 12 công hộp, 6 công thủy lợi và 66 công tròn	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.803.091	1.399.000	404.091			2017-2024	08 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 900.500 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công	

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt									Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư															
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện			
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
TỔNG CỘNG								747.340	223.900	513.658	9.782	0				1.111.451	202.596	899.073	9.782	0								
I Giao thông vận tải								308.562	0	308.562	0	0				683.454	0	683.454	0	0								
1	Cầu Phú Hòa	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 19/7/2018	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188.561		188.561			2018-2021	04 năm	56,76m dài, 02 công tron Ø1500	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	187.196		187.196			2018-2022	04 năm	Giai đoạn 2016-2020 ngân sách tỉnh đã bố trí 54.000 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công			
2	Nâng cấp Đường tỉnh 949	Tri Tôn-Tịnh Biên	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	21900m	Tạo điều kiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân trong khu vực, nâng cấp hệ thống giao thông đường vành đai biên giới nối liền giao thông của khu vực với các vùng lân cận, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.	120.001		120.001			Sau 2020		Chiều dài tuyến 18,705km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, quá tải.	496.258		496.258			2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công			
II Giáo dục và đào tạo								81.200	0	81.200	0	0				85.351	0	85.351	0	0								
1	Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	81.200		81.200			2016 - 2020	05 năm	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	85.351		85.351			đến hết năm 2021	06 năm	Giai đoạn 2016 - 2020 bố trí 81.155 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2021.	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công			
III Văn hóa								47.047	0	37.265	9.782	0				53.419	0	43.637	9.782	0								
1	Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới	Chợ Mới	Tỉnh đoàn AG	Nghị quyết 08/12/2017	Khởi hội trường, khởi hành chính; công trình phụ trợ, HTKT, thiết bị và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Chợ Mới có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học	47.047		37.265	9.782		GD 1: 2016-2020, GD 2: sau 2020	3 năm	Khởi hội trường, khởi hành chính; công trình phụ trợ, HTKT, thiết bị và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Chợ Mới có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học	53.419		43.637	9.782		2016-2022	07 năm	Giai đoạn 2016-2020 ngân sách tỉnh đã bố trí 17.210 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện	Luật Đầu tư công			

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư												
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
IV	Thương mại						310.531	223.900	86.631	0	0						289.227	202.596	86.631	0	0					
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1), thị trấn Long Bình	An Phú	BQL Khu kinh tế	Nghị quyết 24/NQ-HĐND 08/12/2017	San lấp mặt bằng 34,42ha + GT + thoát nước	Tạo quỹ đất sạch xây dựng các khu chức năng để kêu gọi các nhà đầu tư, đơn gười kết nối với hệ thống HTKT hiện hữu nhằm từng bước hoàn chỉnh quy hoạch được duyệt	224.000	223.900	100			2016-2020	5 năm	San lấp mặt bằng 34,42ha + GT + thoát nước + Hạ tầng thiết yếu	Xây dựng các khu chức năng và cơ sở hạ tầng đồng bộ để kêu gọi đầu tư thuận lợi, thúc đẩy kinh tế cửa khẩu Việt Nam (CK Khánh Bình) - Campuchia (Cửa khẩu Cray Thom) phát triển		202.696	202.596	100			2016 - 2021	06 năm		Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công
2	Hạ tầng khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng	TX Tân Châu	BQL Khu kinh tế	Nghị quyết 24/NQ-HĐND 11/12/2019	79.095,4 m2	Phục vụ tái định cư cho các hộ dân thuộc các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương	86.531		86.531			2020-2024	5 năm	80.518m2	Phục vụ tái định cư cho các hộ dân thuộc các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương		86.531		86.531			2020-2023	05 năm	Đó trí vốn 300 triệu đồng chuẩn bị đầu tư năm 2020; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công